

# VẤN ĐỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO CỦA MALAYSIA

PHẠM THANH TỊNH\*

**Tóm tắt:** Trải qua nhiều biến cố, ngày nay Malaysia đang nổi lên với tư cách là quốc gia hòa hợp dân tộc và ngày càng thống nhất hơn, là nước phát triển trong số các nước đang phát triển. Điều đó là minh chứng rõ ràng nhất cho thấy sự thành công của chính phủ trong việc giải quyết mối quan hệ phức tạp giữa vấn đề dân tộc và tôn giáo, nền tảng cho sự phát triển của Malaysia. Trong bài viết này, tác giả tập trung làm sáng rõ việc giải quyết vấn đề dân tộc qua các chính sách tôn giáo ở Malaysia thời gian qua.

**Từ khóa:** Malaysia, Islam, tôn giáo, dân tộc.

## Mở đầu

Giống như nhiều quốc gia khác ở Đông Nam Á, Malaysia cũng là nước đa tộc người. Sau khi giành độc lập vào năm 1957, chính phủ Malaysia đã phải đối mặt với những mâu thuẫn tộc người khá sâu sắc mà đỉnh cao là cuộc bạo động vào tháng 5/1969 làm nhiều người thiệt mạng và làm cho đất nước rơi vào tình trạng rối ren, khó kiểm soát. Mặc dù vậy, Malaysia được nhắc đến là một điển hình thành công trong việc giải quyết mâu thuẫn tộc người. Với một quốc gia đa dân tộc, Malaysia đã tạo nên một xã hội hòa bình, ổn định và thống nhất. Đây có thể coi là thành tựu lớn mà chính phủ Malaysia đã làm được trong hơn 60 năm qua.

## 1. Malaysia: Quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo

Tính đến cuối năm 2017, Malaysia có 32,023 triệu dân<sup>(1)</sup>, là quốc gia đa dân tộc, trong đó người Melayu chiếm 57%, người Hoa chiếm 25%, người Ấn chiếm khoảng 10%. Malaysia còn có một bộ phận thổ dân có tên gọi là Orang Asli (tiếng Malaysia: cư dân gốc, cư dân đầu tiên), hiện chiếm khoảng 0,5% dân số, cư trú ở bán đảo Malaysia, không theo Islam. Hai bang Sabah và Sarawak là nơi cư trú của nhiều dân tộc thiểu số, trong đó những nhóm người chính là Dayak, Iban, Bidayuh và Orang Ulu (ở Sarawak) và Kadazan Dusun, Bajau và Murut (ở Sabah)<sup>(2)</sup>.

Phân loại một cách chính thức thì các dân tộc ở Malaysia được chia thành hai

\* TS. Phạm Thanh Tịnh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

nhóm: Bumiputra và Phi Bumiputra. Trong nhóm Bumiputra có người Melayu và người Orang Asli (người nguyên thủy). Trong nhóm Phi Bumiputra có người Ấn, người Hoa và một số cư dân tới từ các quốc gia khác nhau trên thế giới như người Âu, người Á. Như vậy, có thể thấy các cộng đồng người chủ yếu ở Malaysia là cộng đồng người Melayu, người Hoa và người Ấn.

Ngoài các cộng đồng chủ chốt nêu trên, Malaysia còn có các tộc người bản địa (ngoài Melayu). Họ là những bộ lạc thổ dân sống lâu đời trên bán đảo Malaysia có tên gọi chung là Orang Asli (người Asli). Nhóm người lâu đời nhất là người Semang, gần đây vẫn còn sống du mục trong vùng rừng sâu ở phía Bắc. Nhóm người Orang Asli đông nhất gọi là người Senoi, có dân số khoảng 40.000 người. Khác với người Semang, họ có chiều cao nhỉnh hơn, nước da trắng hơn và tóc gọn sóng. Lối sống của họ cũng khác, với cách làm rẫy luân canh, đánh cá, bẫy và săn thú và hái lượm. Ngày nay người Senoi cũng trồng cao su, trái cây và cô ca, và nhiều người đã hòa nhập theo lối sống Malaysia.

Bên cạnh đó là những người nước ngoài từ các nơi khác trên thế giới di cư vào Malaysia. Họ là người Âu, người Á. Họ có thể là hậu duệ người lai Bồ Đào Nha với Melayu nói thổ ngữ dựa trên tiếng Bồ Đào Nha được gọi là Papia Kristang, người lai Philippines với Tây Ban Nha sử dụng tiếng Chavacano (thổ ngữ dựa trên tiếng Tây Ban Nha). Ngoài ra còn có người Campuchia và người Việt Nam du nhập vào Malaysia, họ theo Phật giáo.

Là một quốc gia đa tộc người, đương nhiên Malaysia cũng là một quốc gia đa tôn giáo. Các tôn giáo chính ở Malaysia là

Islam giáo (Hồi giáo), Phật giáo, Đạo giáo, Hindu giáo, Thiên chúa giáo, đạo Sikh. Ngoài ra ở phía Đông Malaysia còn có Shaman giáo. Tuy mỗi tôn giáo có số lượng tín đồ khác nhau nhưng tất cả đều có một niềm tin chung vào sự hướng thiện, dù cho đó là người theo đạo Phật, Hindu hay Islam. Có điều đặc biệt là mỗi tôn giáo ở đây thường gắn bó chặt chẽ với một tộc người nhất định, mà mỗi tộc người thì lại có một địa vị kinh tế, xã hội cũng như ngôn ngữ và văn hóa khác nhau. Vì vậy, tôn giáo tại đất nước này cũng nhuộm màu sắc địa phương và bảo vệ cho lợi ích của cộng đồng mình.

Trên những nét chung nhất, có thể nhận biết người Melayu chủ yếu theo Islam, người Hoa theo đạo Phật, còn người Ấn thì theo đạo Hindu.

Hindu là một tôn giáo lớn ở Malaysia, chiếm khoảng 8% dân số. Đền thờ Hindu giáo có ở nhiều nơi trên đất nước Malaysia, kể cả ở trung tâm thủ đô Kuala Lumpur. Hindu cũng là một tôn giáo lớn của thế giới và có lịch sử từ lâu đời. Kinh thánh của Hindu giáo có từ cách đây 3.000 năm. Tín đồ Hindu giáo tin vào nhiều thần thánh: Krishna, Rama, Vishnu, Shiva và những thần thánh khác. Tín đồ Hindu giáo cũng như tín đồ Phật giáo tin vào sự luân hồi.

Trước kia khi những người Ấn Độ đến Malaysia cùng với việc buôn bán, họ đã mang theo nền văn minh từ thung lũng sông Indus (sông Ấn). Hindu giáo vì vậy đã có ảnh hưởng lớn tại Malaysia lúc bấy giờ. Nhưng sau đó thì Islam đã lôi kéo được người Melayu. Nhiều người đã chuyển từ đạo Hindu sang Islam. Từ đó Hindu giáo không còn ảnh hưởng lớn ở Malaysia. Hơn nữa, kể từ khi Hindu giáo chỉ gắn với cộng

đồng người Ấn nghèo khổ thì ảnh hưởng của nó càng bị hạn chế hơn trước. Tuy nhiên với một quốc gia cho phép sự tự do tôn giáo ở mức cao như Malaysia, Hindu giáo vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của 1/10 dân số cả nước.

Phật giáo là tôn giáo lớn thứ hai ở Malaysia. Phật giáo xuất hiện tại Malaysia cùng với sự có mặt của người Hoa vào khoảng thế kỷ XV. Ở Malaysia có một điều đặc biệt là hầu hết người Hoa đều nhận mình là tín đồ của Phật giáo hay Khổng giáo mà không có một sự phân biệt nào cả. Trong những ngôi đền tuyệt đẹp của người Hoa có những bức tượng nhỏ của các vị thần và thường có cả tượng Phật, nhưng điều đó không nói lên rằng đó là chùa Phật giáo.

Phật giáo và Khổng giáo đề cao sự hiểu biết. Và chính điều này đã gắn liền với đặc tính của người Hoa. Như đã nói ở trên, người Hoa di cư đến Malaysia trong nhiều thế kỷ. Lúc đầu họ chỉ đơn thuần là những công nhân làm thuê. Sau đó bằng sự cần cù, chăm chỉ và ham học hỏi, người Hoa nhanh chóng chiếm được vị thế cao trong xã hội. Ngày nay người Hoa vừa chiếm số đông lại vừa chiếm một vị thế quan trọng trong nền kinh tế Malaysia, vì vậy Phật giáo ngày càng có ảnh hưởng và vị trí lớn trong xã hội.

Islam giáo là tôn giáo lớn nhất ở Malaysia. Đó là tôn giáo tương đối khắt khe về mặt giáo luật. Tuy nhiên những giáo luật của Islam khi vào Đông Nam Á có bị thay đổi chút ít cho phù hợp với truyền thống văn hóa bản địa. Sơ dĩ khi vào Đông Nam Á, Islam giáo không còn cuồng tín nữa vì tôn giáo này đã qua cái máy lọc đầy tính nhập thế của Ấn Độ - nơi Islam giáo

đã “nhập cư” trước khi du nhập vào Đông Nam Á. Một lý do khác nữa là tính nhân bản của văn hóa bản địa Đông Nam Á - nơi Islam giáo đến “định cư” cho đến ngày nay. Islam giáo tuy bắt đầu được đưa vào Đông Nam Á từ thế kỷ XIII nhưng tôn giáo này chỉ thực sự có ảnh hưởng lớn trong khu vực vào thời gian sau đó một vài thế kỷ.

Islam giáo đến Malaysia và Indonesia trước, sau đó qua con đường này mới lan sang các đảo miền nam Philippines. Về kinh tế, từ khi Islam được truyền vào Đông Nam Á, ở Malaysia các hoạt động thương mại, buôn bán càng trở nên tấp nập, mà rõ ràng nhất là Melaka. Về văn hóa, hàng loạt trường học Islam ra đời. Tại đây, người ta không chỉ dạy kinh Koran, dạy luật Islam, lịch sử Islam mà còn dạy cả chữ viết và văn học Arập.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai cho đến nay, Islam giáo có vai trò lớn ở Malaysia. Rất nhiều tổ chức chính trị, xã hội, văn hóa Islam được lần lượt ra đời. Các trường tiểu học, trung học, cao đẳng và đại học Islam tiếp tục được thành lập và có quy mô ngày càng lớn. Ở Malaysia, trường Đại học Islam Quốc tế (International Islamic University) là một trong những trường đại học lớn nhất của quốc gia, có hàng chục ngàn sinh viên theo học. Nhiều viện, bộ môn, khoa, trung tâm nghiên cứu Islam cũng đã ra đời và được nhà nước hết sức chú trọng. Các đề tài nghiên cứu về Islam cũng hết sức đa dạng, phong phú. Phổ biến hơn cả vẫn là những đề tài tập trung vào những mặt tích cực và tầm quan trọng của văn hóa Islam đối với Malaysia nói riêng và khu vực nói chung.

Như đã nói ở trên, ở Malaysia người Melayu có số lượng lớn nhất. Hơn nữa đây

lại là tộc người nắm quyền chính trị của đất nước. Vì vậy Islam của người Melayu cũng luôn được chính trị hóa. Islam giáo không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh, tín ngưỡng của đông đảo nhân dân. Trong lịch sử, Islam đã từng là động lực thúc đẩy và đoàn kết những người Melayu đứng lên kháng chiến chống lại thực dân Anh. Giờ đây, Islam chính là ngọn cờ thúc đẩy người Melayu vươn lên nắm lấy chính quyền. Bám sâu vào xã hội Malaysia, Islam đã có tác động sâu sắc đến lối sống, văn hóa của người dân. Và không chỉ là quốc giáo, Islam còn đang dần dần chiếm một vị trí quan trọng trong nền chính trị hiện đại ở Malaysia.

## 2. Chính sách tôn giáo của Malaysia

Ở Malaysia, tôn giáo là một vấn đề hết sức nhạy cảm nên rất được chính phủ quan tâm. Hiến pháp Malaysia đảm bảo sự tự do tôn giáo cho mọi người dân, tuy nhiên trên thực tế sự tôn tại song hành nhiều tôn giáo không phải không có những mâu thuẫn nảy sinh. Chẳng hạn những người không theo Islam giáo luôn cho rằng họ phải chịu nhiều hạn chế về hoạt động tôn giáo, nhất là trong việc xây dựng các nơi hành đạo và tổ chức các sự kiện tôn giáo của mình. Hay khi đã là tín đồ của Islam thì rất khó ra khỏi tôn giáo này vì những thủ tục phiền hà, mà trước hết là việc phải được các tòa án dân sự Malaysia công nhận.

Một điểm rất đáng quan tâm là có không ít người Hoa và người Ấn cảm thấy bị đè nén sau nhiều chính sách liên quan tới tôn giáo của chính phủ. Đối với họ, chính phủ quá ưu ái cho Islam giáo và tín đồ Islam (Muslim). Islam đã được hưởng quá nhiều đặc quyền, đặc lợi mà các tôn giáo khác không có được. Chẳng hạn

quyền thi hành luật Islam, quyền thành lập tòa án Syariah để xét xử những vụ kiện liên quan đến Islam trong cộng đồng người Muslim. Đó cũng là sự áp đảo cả về chính trị lẫn kinh tế của những người Muslim, thể hiện sự không công bằng của chính phủ. Chính vì vậy, một số liên minh đã xuất hiện nhằm thúc đẩy chủ nghĩa đa nguyên và sự khoan dung tôn giáo. Những hành động như vậy một mặt mở ra những cuộc tranh luận về các vấn đề nhạy cảm của Islam, mặt khác làm sâu sắc thêm hố ngăn cách về tôn giáo, chủng tộc. Đặc biệt sau vụ bạo loạn năm 1969, số người phi Islam (cụ thể là người Hoa và người Ấn) bất mãn với sự điều hành của chính phủ không phải là ít.

Với đất nước Malaysia, Islam đã được coi là quốc giáo và luôn mang màu sắc chính trị. Đó là tôn giáo của người Melayu – tộc người chiếm số đông trong cộng đồng xã hội Malaysia. Islam đối với người Melayu là một điều gì đó thiêng liêng và ăn sâu trong tiềm thức của họ. Chính Islam là ngọn cờ đoàn kết dân tộc, giúp nhân dân Malaysia đứng lên chiến đấu thoát khỏi ách áp bức của đế quốc Bồ Đào Nha và thực dân Anh.

Hơn thế nữa, người Melayu trong suốt tiến trình lịch sử của Malaysia luôn có ưu thế cả về chính trị lẫn văn hóa. Tôn giáo của họ cũng luôn được chính phủ ưu tiên và được Hiến pháp đảm bảo cho nhiều đặc quyền, đặc lợi. Dưới sự lãnh đạo của các đời thủ tướng Malaysia, chính sách ưu tiên cho Islam của chính phủ đã vượt ra ngoài những phạm vi hỗ trợ mang tính hình thức và biểu tượng như xây dựng nhà thờ, tổ chức thi đọc kinh Qur'an, kỷ niệm những ngày lễ và sự kiện quan trọng của Islam... Đặc biệt là dưới thời thủ tướng Mahathir

Mohamad, ông cho rằng Islam là cơ sở để thống nhất người Melayu nói riêng và toàn thể Malaysia nói chung. Nó là cơ sở của văn hóa Melayu, vì vậy nó cũng phải là cơ sở của nền văn hóa quốc gia Malaysia. Chính vì vậy, cộng đồng người Melayu Muslim phải được tăng cường hơn nữa về các mặt kinh tế, giáo dục... Để làm được điều này, chính phủ Malaysia đã đưa ra hàng loạt các chính sách khuyến khích cộng đồng Islam Malaysia phát triển.

Trong thời kỳ thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP), chính phủ coi việc phát triển Islam như một phần trong chính sách nâng đỡ người bản địa, coi đó như một chỗ dựa về chính trị - tinh thần và bảo tồn văn hoá truyền thống của người Melayu, nên bắt đầu công khai thể chế hóa các hoạt động của tôn giáo này. Từ 1974, khi Mahathir mới lên làm Bộ trưởng bộ Giáo dục, chính phủ đã thành lập "Hội đồng Cố vấn giáo dục Islam" nhằm phát triển nền giáo dục Islam theo hướng phù hợp với nhu cầu phát triển của xã hội. Cũng trong năm đó, "Trung tâm Islam" (Pusat Islam) cũng được thành lập để phối hợp toàn bộ các hoạt động của Islam trong phạm vi toàn quốc. Tiếp đến năm 1977, chính phủ Malaysia cũng chính thức đổi tên tổ chức cứu trợ Y tế "Hội chữ thập đỏ" thành "Hội trăng lưỡi liềm đỏ" theo tên gọi của các nước theo Islam trên thế giới. Từ 1978 trở đi, các chương trình phát thanh và truyền hình về Islam đã tăng nhanh. Không những thế, trong dịp lễ phát động tháng Dakwah quốc gia, nhiều cuộc nói chuyện, hội thảo và triển lãm về Islam đã được tổ chức ở Malaysia một cách rầm rộ. Đặc biệt từ đầu những năm 80 khi cựu Phó Thủ tướng Anwar Ibrahim, người lãnh đạo phong trào

thanh niên, bắt đầu tham gia lãnh đạo Tổ chức dân tộc Malaysia thống nhất (UMNO) thì chính sách nhằm nâng cao tầm quan trọng của Islam trong mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có đời sống kinh tế của đất nước được tiến thêm một bước mới. Chính phủ cũng đã thành lập Trường Đại học Islam, hệ thống ngân hàng Islam và tiến hành một loạt các khóa học về nền văn minh Islam để tất cả người dân Malaysia có thể hiểu biết về Islam và hệ thống giá trị của nó. Cụ thể là vào năm 1982, chính phủ thành lập Ngân hàng Islam (Bank Islam Malaysia Berhad); năm 1983 thành lập Trường đại học Quốc tế Islam (UIA). Cũng vào năm đó, lệnh cấm nhập khẩu thực phẩm, đồ ăn, thức uống không theo tiêu chuẩn Islam được ban hành. Ở các bang, chính quyền địa phương thông qua các đạo luật rất nghiêm khắc về việc thực hiện tháng kiêng khem Ramadan, về các quy định trong quan hệ đối với người khác giới, về ăn mặc v.v... Các chính sách mang tính Islam hoá trên được khá đông đảo trong giới lãnh đạo UMNO hưởng ứng. Đặc biệt, ngoài các chức năng kinh doanh kiếm lời, đào tạo và truyền bá kiến thức về Islam, các tổ chức kinh tế, giáo dục mới được thành lập ở trên đã tham gia đắc lực vào công việc từ thiện, phát triển cộng đồng, nâng cao địa vị của người Melayu trong đời sống kinh tế - xã hội và chính trị. Cùng với các tổ chức trên, chính phủ còn cho phép một Ủy ban điều hành quỹ hành hương giúp các tín đồ về mặt tài chính cho các cuộc thăm viếng thánh địa Mecca. Rõ ràng, so với trước thời NEP, chính phủ Malaysia tỏ ra chú trọng nâng đỡ và đề cao Islam, coi đó như một công cụ đoàn kết người Melayu và thống nhất quốc gia - dân tộc Malaysia.

Sang thập niên 90 khi thực hiện Chính sách phát triển quốc gia (NDP), chính phủ không những tiếp tục theo đuổi chính sách “thế tục hoá Islam”, mà còn tăng cường chức năng kinh tế của tôn giáo này. Để thực hiện theo hướng đã định, chính phủ đã tăng cường tuyên truyền về sự cần thiết đổi mới Islam cho phù hợp với đà phát triển kinh tế và chủ nghĩa tư bản. Bên cạnh đó, chính phủ cương quyết hơn trong việc trấn áp hay ngăn cản sự trỗi dậy của một số phần tử Islam cực đoan. Chính sách trên ngày càng được sự hưởng ứng khá đông đảo của người dân, nhất là tầng lớp trung lưu, tiếp thu văn hoá phương Tây. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ trong cộng đồng Melayu trở nên lo lắng và hoài nghi, sợ rằng nếu như không theo luật lệ Islam sẽ bị trừng phạt. Trong khi đó, đảng Islam Malaysia (PAS) và một số phần tử cực đoan Islam khác bị ảnh hưởng bởi trào lưu Islam cấp tiến từ Trung Đông lại tuyên truyền kích động tâm lý Islam và chủ nghĩa dân tộc Melayu. Thế nhưng, với bản lĩnh chính trị vững vàng và khôn khéo, chính phủ Malaysia đã dàn xếp khá tốt tình hình. Điển hình mới nhất trong tư duy và thực tiễn là từ cuối những năm 90, UMNO cho phép một người bản địa (Bumiputra) không nhất thiết là phải theo Islam. Rõ ràng, vai trò Islam trong chủ nghĩa dân tộc Melayu của UMNO có phần trở nên mờ nhạt trong những thập kỷ gần đây. Thay vào đó bản sắc, tính công dân, nhà nước pháp quyền và tinh thần quốc gia - dân tộc Malaysia ngày càng lớn mạnh tại đất nước nhiều tôn giáo, đa sắc tộc này.

Có thể nói, chính sách tôn giáo với việc chọn Islam làm quốc giáo ở Malaysia đã phát huy được sức mạnh truyền thống của dân tộc. Đây chính là một sự lựa chọn

khôn ngoan bởi vì trong sự phát triển của Malaysia có yếu tố Islam, và ở đây, tôn giáo là sức mạnh tinh thần, là hệ tư tưởng có thể quyết định chiều hướng phát triển của xã hội. Bên cạnh việc ủng hộ Islam trong cả chính sách đối nội và đối ngoại, chính phủ cũng nhất quán quan điểm không biến Malaysia thành một đất nước Islam thần quyền. Thủ tướng Tunku Abdul Rahman (1957-1970) đã từng nói: “Tôi muốn làm sáng tỏ một điều rằng, đất nước này không phải là một quốc gia Islam như nó vẫn thường được hiểu. Tôi chỉ quy định rằng Islam là tôn giáo chính thức của Quốc gia”<sup>(3)</sup>. Sau này, chính phủ Malaysia đã làm mới Islam. Thông qua Islam, chính phủ đã có hàng loạt chính sách và biện pháp để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân Malaysia, làm cho các tín đồ Islam nói riêng, người dân Malaysia nói chung có một nhận thức đầy đủ, toàn diện, nếu không nói là mới về Islam. Đặc biệt là Mahathir, ông đã dùng cảm chỉ ra những mâu thuẫn trong quan niệm về cuộc sống hiện tại và cuộc sống thiên đàng hứa hẹn sau khi chết. Mahathir đã dùng chính những câu chuyện lịch sử Islam để giúp người Muslim nhận thức sâu sắc hơn chính từ những bài học họ đã có trong quá khứ nhằm đưa họ về với những ưu thế họ đã từng có trong lịch sử, tiến theo kịp sự phát triển của thời đại để khái niệm Islam không bị đồng nghĩa với đói nghèo, lạc hậu và khủng bố, xây dựng một hình ảnh mới của thế giới nhìn nhận về Islam. Với những tư tưởng đổi mới như vậy, Mahathir Mohamad và chính phủ Malaysia đã có những quyết sách đúng đắn cho sự phát triển Islam nói riêng và kinh tế - xã hội Malaysia nói chung. Từ đó

đã xây dựng được một tầng lớp tư bản người Melayu theo Islam giàu có ở Malaysia hiện nay.

Ngoài những ưu điểm vượt trội nói trên của Islam, chính sách tôn giáo ở Malaysia cũng trở thành một vấn đề tạo ra sự phản ứng từ các cộng đồng khác. Nhiều người thuộc các tộc người khác cảm thấy tôn giáo của mình không được quan tâm một cách thỏa đáng. Vết rạn nứt giữa các cộng đồng Islam và phi Islam ở Malaysia càng bị khoét sâu thêm. Đây chính là một thách thức không nhỏ đối với chính phủ Malaysia.

Tuy nhiên vẫn phải khẳng định rằng, chính sách tôn giáo của Malaysia thời gian qua không những góp phần củng cố thêm địa vị, vai trò của Islam trong xã hội mà còn giúp cải thiện vị thế kinh tế - xã hội của những người Melayu Muslim. Đồng thời chính sách tôn giáo của Malaysia vừa góp phần giải quyết mâu thuẫn tộc người vừa tạo ra một hệ tư tưởng và một sức mạnh tinh thần cho toàn dân tộc Malaysia trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

### Thay cho lời kết

Cũng giống như tiếng Melayu, Islam được khẳng định trong Hiến pháp là Quốc giáo. Chính phủ coi việc duy trì và củng cố tôn giáo này như là một công cụ để xây dựng bản sắc quốc gia - dân tộc Malaysia. Mặc dù lấy Islam làm quốc giáo nhưng chính phủ Malaysia không có sự kỳ thị tôn giáo. Các tôn giáo khác như Phật giáo, Hindu, cũng luôn được đồng hành phát triển cùng với các cộng đồng dân tộc của mình. Hơn nữa, chính phủ còn biến tôn giáo thành sức mạnh tinh thần của dân tộc, không phân biệt người Melayu, người Hoa, người Ấn hay các tộc người bản địa khác.

### CHÚ THÍCH

1. Nguồn: <http://countryeconomy.com/demography/population/malaysia> 2017
2. Xem: <http://www.tourism.gov.my>
3. Xem: Nguyễn Thị Hoa, *Một số khía cạnh của vấn đề dân tộc ở Malaysia*, Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Đông Nam Á học, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, tr. 54.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thanh Hương (2009, chủ biên), Xã hội dân sự ở Malaysia và Thái Lan. NXB KHXH, H., 2009.
2. Syed Muhammad Naguib Al-Attas (1972), *Islam dalam Sejarah dan Kebudayaan Melayu* (Islam trong lịch sử và văn hóa Melayu), Penerbit Universiti Kebangsaan Malaysia, Kuala Lumpur, 1972.
3. *Kesusasteraan Melayu Tradisional* (Văn học Melayu truyền thống), DBP, Kuala Lumpur, 1993.
4. *Truyện Sử Melayu*. Lê Thanh Hương dịch. NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2002.
5. Jorhan Jaaffar, Mohd. Thani Ahmad, Safian Hussain (1992), *History of Morden Malay Literature. Vol. I*, Dewan Bahasa dan Pustaka, Ministry of Education Malaysia, Kuala Lumpur, 1992.
6. D.E.G. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*. Nhóm Bùi Thanh Sơn dịch. Nxb Chính trị Quốc gia, H., 1997.
7. <http://countryeconomy.com/demography/population/malaysia> 2017
8. <http://www.tourism.gov.my>
9. Nguyễn Thị Hoa (2009), *Một số khía cạnh của vấn đề dân tộc ở Malaysia*, Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Đông Nam Á học, Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.